

Bản án số: 18/2018/HSST

Ngày: 22/01/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Xuân Hải.

2. Bà Lê Thị Xuân Lang.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Mai Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 622/2017/TLST-HS ngày
10/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 909/2017/QĐST-HS ngày
28 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

A; Giới tính: Nam; Sinh năm 1976; tại: Congo; Đăng ký thường trú: 17
X, Y 3, 7 Z, J, Kinshasa, Congo; Chỗ ở: Phòng 305 khách sạn P - số: 313
đường O, phường O, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt nam; Quốc tịch:
Congo; Dân tộc: Tetela (Congo); Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp:
Không xác định; Con ông Albert Otshudi Wembadio và bà Albertine Akonga;
Vợ: Murphy Samboly Joel; Con: 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm
giam ngày 09/6/2017 (có mặt).

+Người bào chữa: Ông Phạm Trương Hồng Tâm – Luật sư của Công ty
Luật TNHH Bằng Chứng thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào
chữa cho bị cáo A (có mặt).

+Người phiên dịch: Ông Võ Huỳnh Thanh, sinh năm 1992 – nhân viên
Công ty TNHH Dịch thuật Phương Tây;

+Người làm chứng:

1/Ông Nguyễn Việt N, sinh năm 1980; Thường trú: 315 Lô E chung cư
E 2, phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2/Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1992; Thường trú: Ấp C, xã Đ, thị xã
Gò Công, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3/Bà Phạm Anh T, sinh năm 1986; Thường trú: 57/12 S, phường J, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/02/2017, A, sinh năm 1976 (Quốc tịch Congo); Hộ chiếu số: OP0123912; Thị thực (visa) số: AD0123912, nhập cảnh vào Việt Nam qua Cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất. Trong thời gian lưu trú tại Việt Nam thì A được một người tên M (không rõ lai lịch) rủ tham gia việc sử dụng hộ chiếu và thị thực giả mở tài khoản tại Ngân hàng Vpbank để nhận nguồn tiền bất hợp pháp, khi có tiền chuyển vào tài khoản thì A sẽ đến Ngân hàng rút tiền về giao lại cho M để hưởng 10% trên số tiền rút được. A đồng ý và đưa cho M một tấm ảnh để làm hộ chiếu.

Ngày 10/4/2017, M đưa cho A hộ chiếu số: A01678707 có ảnh của A nhưng mang tên R, trong hộ chiếu có 02 thị thực số CB046879 (thời hạn từ ngày 20/12/2006 – 20/12/2017) và số CB047012 (thời hạn từ ngày 11/3/2017 – 11/3/2018). Ngày 13/4/2017, A sử dụng hộ chiếu và thị thực giả mang tên R đến Ngân hàng VPBank (địa chỉ: 165 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) để mở tài khoản số 120941558, với tên chủ tài khoản là R.

Ngày 08/6/2017, Ngân hàng VPBank gọi điện thông báo cho A biết có số tiền 26.500 Euro chuyển vào tài khoản số 120941558. Đến khoảng 14h00' ngày 09/6/2017, A sử dụng hộ chiếu và thị thực giả mang tên R đến Ngân hàng VPBank, địa chỉ: 165 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục rút số tiền 666 triệu đồng (26.500 Euro). Khi A nhận được số tiền 666 triệu đồng thì bị Công an bắt quả tang

Tại Cơ quan điều tra, A đã khai nhận như trên. Đồng thời, A còn khai: biết rõ hộ chiếu và thị thực mang tên R là giả. Về nguồn gốc số tiền thì A không biết chính xác, nhưng nhận thức được đây là tiền bất hợp pháp nên mới sử dụng hộ chiếu, thị thực giả để rút tiền.

Kết quả xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và Phòng PA72 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đều không có thông tin xuất nhập cảnh của người mang tên R; 02 thị thực số CB046879 (thời hạn từ ngày 20/12/2006 – 20/12/2017) và số CB047012 (thời hạn từ ngày 11/3/2017 – 11/3/2018) dán trên hộ chiếu mang tên R là giả.

Kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh theo kết luận giám định số 1068/KLGĐ-TT ngày 28/7/2017, xác định: Hình dấu tròn có nội dung “TONG CUC AN NINH...” trên “Thị thực” nhập cảnh Việt Nam số CB046879 và CB047012 cấp tại Nội Bài dán trên hộ chiếu số A01678707 mang tên R được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Bản in giấy “Thị thực” số CB046879 và CB047012 cấp tại Nội Bài dán trên hộ chiếu số A01678707 được làm giả bằng phương pháp in màu,

Ảnh trên hộ chiếu số A01678707 mang tên R là ảnh của A.

*Vật chứng: 01 quyển hộ chiếu mang tên R nhưng được dán ảnh của A. Số tiền 666.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung thu giữ của A.

Tài ban cao trang sog418/CT-VKS ngày 01/11/2017, Việc kiểm sát nhanh danh Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo A về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); xử phạt bị cáo A mức án từ 02 năm đến 03 năm tù và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật

Bào chữa cho bị cáo A, luật sư thống nhất với tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố nên không tranh luận. Luật sư chỉ phân tích về hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế, có 03 con còn nhỏ, vợ ở nhà nội trợ, mẹ đã lớn tuổi không có khả năng lao động nên bị cáo là lao động chính. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo là người nước ngoài không có người thăm nuôi trong thời gian bị tạm giam cũng như nếu phải chấp hành án; nên đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo A dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và bằng thời gian tạm giam đã đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Cho bị cáo một cơ hội trở về nước mình để lao động nuôi dưỡng gia đình.

Bị cáo không tranh luận bổ sung, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức án khoan hồng vì đã nhận thức được hành vi sai phạm của mình và quyết tâm sửa chữa, không vi phạm pháp luật của Việt nam cũng như khi về nước bị cáo sinh sống để lao động nuôi dưỡng vợ con và mẹ già bị bại liệt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo A đã khai nhận toàn bộ hành vi: Trong thời gian lưu trú tại Việt Nam, bị cáo có quen biết và đồng ý giúp sức cho một đối tượng tên M (không rõ lai lịch) sử dụng hộ chiếu và thị thực giả mang tên R (có dán ảnh của bị cáo) để mở tài khoản tại Ngân hàng Vpbank và nhận nguồn tiền bất hợp pháp. Khi có tiền chuyển vào tài khoản thì đến Ngân hàng

rút tiền về giao lại cho M để hưởng lợi 10% trên tổng số tiền rút được. Vào khoảng 14h00' ngày 09/6/2017, bị cáo A đã sử dụng hộ chiếu và thị thực giả mang tên R đến Ngân hàng VPBank tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục rút số tiền 666 triệu Việt nam đồng (tương đương 26.500 Euro), khi vừa nhận được tiền thì bị Công an bắt quả tang. Nội dung bị cáo A khai nhận phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo A tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với: biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật – tài liệu, biên bản nhận dạng, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra có tại hồ sơ vụ án.

Theo kết luận giám định số 1068/KLGD-TT ngày 28/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định:

+Hình dấu tròn có nội dung “TONG CUC AN NINH...” trên “Thị thực” nhập cảnh Việt Nam số CB046879 và CB047012 cấp tại Nội Bài dán trên hộ chiếu số A01678707 mang tên R được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

+Bản in giấy “Thị thực” số CB046879 và CB047012 cấp tại Nội Bài dán trên hộ chiếu số A01678707 được làm giả bằng phương pháp in màu,

+Ảnh trên hộ chiếu số A01678707 mang tên R là ảnh của A.

Qua xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và Phòng PA72 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đều không có thông tin xuất nhập cảnh của người mang tên R; 02 thị thực số CB046879 (thời hạn từ ngày 20/12/2006 đến ngày 20/12/2017) và số CB047012 (thời hạn từ ngày 11/3/2017 đến ngày 11/3/2018) dán trên hộ chiếu mang tên R là giả.

Xét, đã có đủ cơ sở để kết luận: với hành vi sử dụng hộ chiếu và thị thực giả mang tên R để rút tiền trái pháp luật tại Ngân hàng Vpbank vào ngày 09/6/2017 của bị cáo A đã phạm vào tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét, theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Bộ luật Hình sự năm 2015 được áp dụng như sau: “Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích” và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015.

Theo đó, hành vi phạm tội của bị cáo A thực hiện vào ngày 09/6/2017 có đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có cấu thành cơ bản quy định theo hướng có lợi hơn cho bị cáo, cụ thể: “Người nào ... sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.”, có mức hình phạt nhẹ hơn so với mức hình phạt (phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm) theo quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Nên khi xét xử sẽ áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính, quản lý xuất nhập cảnh và an ninh tiền tệ; gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo A là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với động cơ vụ lợi bất chính, trong thời gian nhập cảnh vào Việt nam vẫn câu kết với các đối tượng xấu là người nước ngoài để cố ý phạm tội.

Do đó về hình phạt đặt ra, cần có một thời gian cách ly xã hội mới đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, các con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính; để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt đáng ra phải chịu theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tuy nhiên về mức hình phạt, đề nghị xử phạt bị cáo bằng thời gian bị tạm giam là chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; chưa đủ tác dụng của hình phạt như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử đối với bị cáo A là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai. Tuy nhiên, về mức hình phạt đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự để xử phạt đối với bị cáo A thuộc trường hợp “phạm tội nhiều lần” là chưa phù hợp, với các tình tiết khách quan của vụ án, với quy định của pháp luật, bởi lẽ:

Đối với hành vi bị cáo A đã sử dụng hộ chiếu và thị thực giả mang tên R để mở tài khoản số 120941558, với tên chủ tài khoản là R vào ngày 13/4/2017 tại Ngân hàng VPBank (địa chỉ: 165 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh), là vi phạm pháp luật về hành chính và chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm cũng như tại bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, phần kết luận chỉ nêu truy

tổ bị cáo A về hành vi sử dụng hộ chiếu và thị thực giả mang tên R để rút tiền trái pháp luật tại Ngân hàng Vpbank vào ngày 09/6/2017.

Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa thực hiện các hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng đúng quy định về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999(đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xét:

+01 quyển hộ chiếu giả mang tên R được dán ảnh của A là công cụ dùng vào việc phạm tội và tài liệu Cơ quan điều tra đưa vào hồ sơ vụ án nên tịch thu lưu hồ sơ (bút lục 14 – 31).

+01 điện thoại di động hiệu Samsung thu giữ của A là phương tiện liên lạc bị cáo sử dụng để phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+Đối với số tiền 666.000.000 Việt nam đồng thu giữ trong vụ án: theo bị cáo khai là tiền có nguồn gốc bất hợp pháp, qua điều tra không xác định được nguồn tiền này chuyển về Việt nam là hợp pháp, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

+Áp dụng khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và các điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo A 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 09/6/2017.

+Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999(đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009)

+Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 quyển hộ chiếu giả mang tên R được dán ảnh của A (tài liệu đang được lưu trong hồ sơ vụ án – bút lục 14 - 31).

+Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Samsung thu giữ của A và số tiền 666.000.000 Việt nam đồng.

(Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 13/6/2017 nộp vào tài khoản số 3949 9058778 tại kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh của Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT và Chức vụ Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Lệnh nhập kho vật chứng số 414 – 36/ LNK – PC 46 ngày 14/6/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

+Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP. HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Luật sư (1)
- THA HS; (2)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh